

**Tiết 1****Toán**  
**ỨNG DỤNG CỦA TỈ LỆ BẢN ĐỒ****I. Mục tiêu:**

1. Kiến thức: - Bước đầu biết được một số ứng dụng của tỉ lệ bản đồ.
2. Kỹ năng: - Làm được các bài tập có liên quan.
3. Thái độ: - Tự giác làm bài.

**II. Đồ dùng :**

- Giáo viên: Bản đồ Trường Mầm non xã Thắng Lợi.
- Học sinh: SGK, VBT Toán.

**III. Các hoạt động dạy- học:**

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
4'	<b>1. Kiểm tra bài cũ:</b>	- Yêu cầu HS cho biết: Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1000, độ dài thu nhỏ là 1cm thì độ dài thật là bao nhiêu? - GV nhận xét, đánh giá.	- 1 HS lên bảng.
33'	<b>2. Bài mới:</b> 2.1. Giới thiệu bài 2.2. Giới thiệu ứng dụng của tỉ lệ bản đồ a) Bài toán 1	- Ghi đầu bài lên bảng - GV treo bản đồ Trường Mầm non xã Thắng Lợi và nêu bài toán: Bản đồ Trường Mầm non xã Thắng Lợi vẽ theo tỉ lệ 1 : 300. Trên bản đồ, cổng trường rộng 2cm. Hỏi chiều rộng thật của cổng trường là mấy mét? + Trên bản đồ, độ rộng của cổng trường thu nhỏ là mấy xăng-ti-mét? + Bản đồ Trường Mầm non xã Thắng Lợi vẽ theo tỉ lệ nào? + 1cm trên bản đồ ứng với độ dài thật là bao nhiêu xăng-ti-mét?	- Lắng nghe, ghi bài. - Quan sát, nghe và nêu lại.  + Trên bản đồ, độ rộng của cổng trường thu nhỏ là 2cm.  + Tỉ lệ 1 : 300.  + 1cm trên bản đồ ứng với độ dài thật trên bản đồ là 300cm. + 2cm trên bản đồ ứng với $2 \times 300 = 600$ (cm).

<p>3'</p> <p><b>3. Cũng cố, dặn dò</b></p>	<p>b) Bài toán 2</p> <p>2.3. Luyện tập</p> <p>Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.</p> <p>Bài 2. Giải toán lời văn-sgk t157</p>	<p>+ 2cm trên bản đồ ứng với độ dài thật là bao nhiêu xăng-ti-mét?</p> <p>- Yêu cầu HS trình bày lời giải của bài toán.</p> <p>- Gọi HS đọc đề bài.</p> <p>+ Độ dài thu nhỏ trên bản đồ của quãng đường Hà Nội - Hải Phòng dài bao nhiêu mi-li-mét?</p> <p>+ Bản đồ được vẽ với tỉ lệ nào?</p> <p>+ 1mm trên bản đồ ứng với độ dài thật là bao nhiêu mi-li-mét?</p> <p>+ 102 trên bản đồ ứng với độ dài thật là bao nhiêu mi-li-mét?</p> <p>- Yêu cầu HS trình bày lời giải bài toán.</p> <p>- Gọi HS đọc đề bài.</p> <p>- Yêu cầu HS đọc cột số thứ nhất, hỏi:</p> <p>+ Hãy đọc tỉ lệ bản đồ.+ Độ dài thu nhỏ trên bản đồ là bao nhiêu?+ Vậy độ dài thật là bao nhiêu?+ Điền mấy vào ô trống thứ nhất?</p> <p>- Tương tự với các trường hợp còn lại.</p> <p>- Gọi HS đọc đầu bài.</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài.</p> <p>- GV nhận xét, chữa bài.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p> <p>- Chuẩn bị bài sau.</p>	<p>- 1 HS lên bảng.</p> <p>Bài giải</p> <p>Chiều rộng thật của công trường là: <math>2 \times 300 = 600</math> (cm)</p> <p><math>600 \text{ cm} = 6\text{m}</math></p> <p>Đáp số: 6m</p> <p>- Đọc.</p> <p>+ Độ dài thu nhỏ trên bản đồ của quãng đường Hà Nội - Hải Phòng dài 102mm.</p> <p>+ Tỉ lệ 1 : 1000000.</p> <p>+ 1mm trên bản đồ ứng với độ dài thật là 1000000mm.</p> <p>+ 102 mm trên bản đồ ứng với độ dài thật là:</p> <p><math>102 \times 1000000 = 102\ 000\ 000</math> (mm)</p> <p>- 1 HS lên bảng, cả lớp làm vở.</p> <p>- Đọc.</p> <p>- Đọc và trả lời:</p> <p>+ Tỉ lệ 1 : 500 000.</p> <p>+ Là 2cm.</p> <p>+ Độ dài thật là:</p> <p><math>2\text{cm} \times 500\ 000 = 1\ 000\ 000\text{cm}</math></p> <p>+ Điền 1 000 000cm vào ô trống thứ nhất.</p> <p>- Đọc.</p> <p>- Làm bài.</p> <p>Bài giải</p> <p>Chiều dài thật của căn phòng học đó là:</p> <p><math>4 \times 200 = 800</math> (cm)</p> <p><math>800\text{cm} = 8\text{m}</math></p> <p>Đáp số: 8m</p> <p>-Lắng nghe, thực hiện.</p>
--	---	--	---

--	--	--	--

Tiết 1

**Tiếng Anh**  
**Đ/c Thuận soạn giảng**  
\*\*\*\*\*

Tiết 2

**Toán**  
**ỨNG DỤNG CỦA TỈ LỆ BẢN ĐỒ (Tiếp theo)**

**I. Mục tiêu:**

1. Kiến thức: - Biết được một số ứng dụng của tỉ lệ bản đồ.
2. Kỹ năng: - Làm được các bài tập có liên quan.
3. Thái độ: - Tự giác làm bài.

**II. Đồ dùng :**

- Giáo viên: Bảng phụ.
- Học sinh: SGK, VBT Toán.

**III. Các hoạt động dạy- học:**

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
4'	<b>1.Kiểm tra bài cũ:</b>	- Yêu cầu HS cho biết: Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 10000, độ dài thu nhỏ là 1cm thì độ dài thật là bao nhiêu?	- 1 HS lên bảng.
33'	<b>2.Bài mới:</b> 2.1. Giới thiệu bài 2.2. Giới thiệu ứng dụng của tỉ lệ bản đồ a) Bài toán 1	- GV nhận xét, đánh giá.  - Ghi đầu bài lên bảng - Yêu cầu HS đọc đề bài. + Khoảng cách giữa hai điểm A và B trên sân trường dài bao nhiêu mét? + Bản đồ được vẽ theo tỉ lệ nào? + Bài yêu cầu tính gì?  + Làm thế nào để tính được? + Khi thực hiện lấy độ dài thật giữa hai điểm A và B chia cho 500 cần chú ý điều gì?  - Yêu cầu HS trình bày lời giải của bài toán.	- Lắng nghe, ghi bài. - Đọc. + Khoảng cách giữa hai điểm A và B trên sân trường là 20m. + Tỉ lệ 1 : 500.  + Tính khoảng cách giữa hai điểm A và B trên bản đồ. + Lấy độ dài thật chia cho 500. + Đổi đơn vị đo ra xăng-ti-mét vì đề bài yêu cầu tính khoảng cách hai điểm A và B trên bản đồ theo xăng-ti-mét. - 1 HS lên bảng. Bài giải

3'	<p>b) Bài toán 2</p> <p>2.3. Luyện tập</p> <p>Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.</p> <p>Bài 2. Giải toán lời văn-sgk t157</p> <p><b>3. Củng cố, dặn dò</b></p>	<p>- Gọi HS đọc đề bài. + Bài toán cho biết gì?</p> <p>+ Bài toán hỏi gì?</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài.</p> <p>- Gọi HS đọc đề bài. - Yêu cầu HS đọc cột số thứ nhất, hỏi: + Hãy đọc tỉ lệ bản đồ. + Độ dài thật là bao nhiêu ki-lô-mét? + Vậy độ dài thu nhỏ trên bản đồ là bao nhiêu xăng-ti-mét? + Vậy điền mấy vào ô trống ở cột thứ nhất? - Yêu cầu HS làm tương tự với các ô còn lại. - Gọi HS đọc đầu bài. - Yêu cầu HS làm bài.</p> <p>- GV nhận xét, chữa bài.</p> <p>- Nhận xét tiết học. - Chuẩn bị bài sau.</p>	<p>Khoảng cách giữa hai điểm A và B trên bản đồ là: <math>2000 : 500 = 4</math> (cm) Đáp số: 4cm</p> <p>- Đọc. + Quãng đường Hà Nội - Sơn Tây dài 41km. + Tỉ lệ bản đồ 1 : 1 000 000. + Quãng đường Hà Nội - Sơn Tây thu nhỏ trên bản đồ dài bao nhiêu mi-li-mét. - 1 HS lên bảng, cả lớp làm vở.</p> <p>Bài giải <math>41\text{km} = 41\ 000\ 000\ \text{mm}</math> Quãng đường Hà Nội - Sơn Tây trên bản đồ dài là: <math>41\ 000\ 000 : 1000\ 000 = 41(\text{mm})</math> Đáp số: 41mm</p> <p>- Đọc. - Đọc và trả lời: + Tỉ lệ 1 : 10 000. + Là 5km. + <math>5\text{km} = 5000000\text{cm}</math> Vậy độ dài thu nhỏ trên bản đồ là: <math>5000000 : 10000 = 50</math> (cm) + Điền 50cm vào ô trống thứ nhất. - Làm bài.</p> <p>- Đọc. - Làm bài.</p> <p>Bài giải <math>12\text{km} = 1200000</math> Quãng đường từ bản A đến bản B trên bản đồ là: <math>1200000 : 100000 = 12</math> (cm) Đáp số: 12m -Lắng nghe, thực hiện.</p>
----	--	--	--

## Tiết 1

## Toán THỰC HÀNH

### I. Mục tiêu:

1. Kiến thức: - Tập đo độ dài đoạn thẳng trong thực tế, tập ước lượng.
2. Kỹ năng: - Biết cách đo độ dài đoạn thẳng bằng thước dây, bước chân.
3. Thái độ: - Tự giác thực hành.

### II. Đồ dùng :

- Giáo viên: Bảng phụ, cọc mốc, cọc tiêu.
- Học sinh: Thước dây cuộn.

### III. Các hoạt động dạy- học:

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
4'  33'	<b>1.Kiểm tra bài cũ:</b>  <b>2.Bài mới:</b> 2.1. Giới thiệu bài 2.2. Hướng dẫn HS thực hành tại lớp a) Đo đoạn thẳng trên mặt đất	<ul style="list-style-type: none"><li>- Yêu cầu HS nhắc lại tỉ lệ bản đồ.</li><li>- GV nhận xét, đánh giá.</li><li>- Ghi đầu bài lên bảng</li><li>- GV chọn lối đi giữa lớp rộng nhất, sau đó dùng phấn chấm hai điểm A và B trên lối đi.</li><li>- GV dùng thước dây, đo độ dài khoảng cách giữa hai điểm A và B.</li><li>- Làm thế nào để đo được khoảng cách giữa hai điểm A và B?</li><li>- GV kết luận cách đo đúng như SGK:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Cố định một đầu dây tại điểm A sao cho vạch số 0 của thước trùng với điểm A.</li><li>+ Kéo thẳng dây thước cho tới điểm B.</li><li>+ Đọc số đo ở vạch trùng với điểm B. Số đo đó là số đo độ dài đoạn thẳng AB.</li></ul></li><li>- Gọi 1 HS lên thực hành đo độ dài khoảng cách hai điểm A và B vừa chấm.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- 1 HS lên bảng.</li><li>- Lắng nghe, ghi bài.</li><li>- Quan sát.</li><li>- Theo dõi.</li><li>- Trả lời.</li><li>- Nghe.</li></ul>

<p>3'</p>	<p>b) Gióng thẳng hàng các cọc tiêu trên mặt đất</p> <p>2.3. Luyện tập          Bài 1. Vẽ đoạn thẳng biểu thị chiều dài bảng</p> <p><b>3. Củng cố, dặn dò</b></p>	<p>- Yêu cầu HS quan sát hình minh họa trong SGK và nêu:          + Đề xác định 3 điểm trong thực tế có thẳng hàng với nhau hay không người ta sử dụng các cọc tiêu và gióng các cọc tiêu này.          + Cách gióng cọc tiêu như sau:          * Đóng 3 cọc tiêu ở 3 điểm cần xác định.          * Đứng ở cọc tiêu đầu tiên hoặc cọc tiêu cuối cùng. Nhắm một mắt, nheo mắt còn lại và nhìn vào cạnh cọc tiêu thứ nhất. Nếu nhìn rõ cọc tiêu còn lại là ba điểm chưa thẳng hàng. Nhìn thấy 1 cạnh của hai cọc tiêu còn lại là ba điểm đã thẳng hàng.</p> <p>- Gọi HS đọc đầu bài.          - GV yêu cầu HS ghi lại kết quả đo độ dài chiề dài bảng của lớp học vào ô trống như SGK.          - GV nhận xét.          - Nhận xét tiết học.          - Chuẩn bị bài sau.</p>	<p>- Quan sát và nghe.</p> <p>-Đọc</p> <p>- Ghi kết quả.</p> <p>-Lắng nghe, thực hiện.</p>
-----------	---	---	--